

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt điều chỉnh kế hoạch tài chính năm 2013 của
Dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp tỉnh Bình Định (WB3)

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Quyết định số 2741/QĐ-BNN-HTQT ngày 08/11/2011 của Bộ Nông nghiệp và PTNT về việc phê duyệt điều chỉnh Báo cáo nghiên cứu khả thi với nguồn vốn vay bổ sung cho Dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp (WB3).

Căn cứ Văn bản số 1819/DALN-KHKT ngày 23/8/2013 của Ban Quản lý các dự án Lâm nghiệp về việc thông báo điều chỉnh kế hoạch thực hiện Dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp (WB3) năm 2013;

Căn cứ Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 05/4/2013 của UBND tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch hoạt động năm 2013 Dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp (Dự án WB3);

Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 106/TTr-SKHĐT ngày 17/10/2013,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch tài chính năm 2013 của Ban Quản lý Dự án Phát triển ngành Lâm nghiệp (WB3) như sau:

ĐVT: Triệu đồng

Hạng mục	Kế hoạch đã phê duyệt	Phê duyệt điều chỉnh
Tổng vốn	47.982	38.329
- Nguồn vốn vay (IDA)	41.181	31.685
- Vốn đối ứng trong nước	6.801	6.644
Trong đó:		
+ Ngân sách của Trung ương	4.084	4.083
+ Ngân sách của tỉnh	1.732	1.622
+ Ngân sách của huyện	985	939

(chi tiết có phụ lục kèm theo)

Điều 2. Quyết định này điều chỉnh, bổ sung Quyết định số 845/QĐ-UBND ngày 05/4/2013 của UBND tỉnh.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và PTNT, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT UBND tỉnh
- CVP, PVPNN
- Lưu: VT, K₁₃ (14b)



Trần Thị Thu Hà

KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH ĐIỀU CHỈNH NĂM 2013
CỦA DỰ ÁN PHÁT TRIỂN NGÀNH LÂM NGHIỆP BÌNH ĐỊNH (WB3)

Kèm theo Quyết định số 341/QĐ-UBND ngày 24 tháng 10 năm 2013 của Chủ tịch UBND tỉnh



Đơn vị tính: Triệu đồng

#	HỢP PHẦN	Đơn vị tính	Khối lượng	Kế hoạch đã phê duyệt theo QĐ số 845/QĐ-UBND ngày 05/4/2013			Khối lượng	Kế hoạch điều chỉnh		
				Tổng cộng	IDA 5070	Việt Nam		Tổng cộng	IDA 5070	Việt Nam
A	PHÁT TRIỂN THỂ CHẾ			8,892	8,812	80		4,430	4,350	80
1	Kết hợp thực thi ở thực địa và phát triển chính sách			5,780	5,700	80		2,380	2,300	80
1.1	Dịch vụ tư vấn			0	0	0		0	0	0
1.2	Đào tạo hội thảo			400	400	0		0	0	0
	Đào tạo tập huấn quản lý rừng cộng đồng	lớp	1	200	200					
	Hội nghị hội thảo quản lý rừng cộng đồng	cuộc	1	200	200					
1.3	Hoạt động hiện trường			5,380	5,300	80		2,380	2,300	80
1.3.1	Mô hình quản lý rừng cộng đồng, trong đó:	ha	2,470	5,380	5,300	80	2,470	2,380	2,300	80
-	Thiết lập mô hình rừng cộng đồng (Đo đạc điều tra)			880	800	80	Tổng số	880	800	80
-	Hỗ trợ bảo vệ rừng	ha	Tổng số	250	250		Tổng số	250	250	
-	Hỗ trợ các mô hình trồng lâm sản ngoài gỗ dưới tán rừng tại xã có diện tích được thiết lập mô hình		Tổng số	4,250	4,250		Tổng số	1,250	1,250	
2	Thành lập các nhóm nông dân trồng rừng			1,150	1,150	0		950	950	0
2.1	Đào tạo hội thảo			1,150	1,150	0		950	950	0
	Đào tạo tập huấn	lớp	2	400	400		2	400	400	
	Hội nghị hội thảo	cuộc	2	400	400		1	200	200	
	Họp thôn bản cho các nhóm nông dân trồng rừng		152	350	350		172	350	350	
3	Xúc tiến cấp chứng chỉ rừng trồng			1,962	1,962	0		1,100	1,100	0
3.1	Dịch vụ tư vấn			0	0	0		0	0	0
3.2	Đào tạo hội thảo			1,962	1,962	0		1,100	1,100	0
	Đào tạo tập huấn các hoạt động CCR	lớp	154	1,312	1,312		6	900	900	
	Hội nghị hội thảo	cuộc	2	400	400		1	200	200	
	Tham quan trong nước	chuyến	1	250	250					
B	TRỒNG RỪNG SẢN XUẤT			21,480	20,185	1,295		19,838	18,653	1,185
1	Lựa chọn vùng tham gia			2,110	2,110	0		1,932	1,932	0
1.1	Dịch vụ tư vấn			0	0	0		0	0	0
1.2	Đào tạo hội thảo			910	910	0		732	732	0
	Đào tạo tập huấn	lớp								

#	HỢP PHẦN	Đơn vị tính	Khối lượng	Kế hoạch đã phê duyệt theo QĐ số 845/QĐ-UBND ngày 05/4/2013			Khối lượng	Kế hoạch điều chỉnh		
				Tổng cộng	IDA 5070	Việt Nam		Tổng cộng	IDA 5070	Việt Nam
	Thăm tra (kiểm tra) nghiệm thu khảo sát, đo đạc và cấp giấy chứng nhận QSDĐ:	Tổng số		150		150		100		100
	- Khối lượng năm 2012 chuyển sang thanh toán									20
	- Khối lượng thực hiện trong năm 2013									80
3	Khuyến lâm và cung cấp dịch vụ			6,100	6,100	0		5,548	5,548	0
3.1	Đào tạo hội thảo			2,400	2,400	0		2,018	2,018	0
	Đào tạo tập huấn: bao gồm cả đề án khuyến lâm	lớp	Tổng số	1,850	1,850		Tổng số	1,335	1,335	
	- Tập huấn PCCR và sâu bệnh hại cho cán bộ các cấp	lớp	1	200	200		1	175	175	
	- Tập huấn cho các hộ dân nhiều chủ đề	lớp	Tổng số	1,650	1,650		Tổng số	1,160	1,160	
	Hội nghị hội thảo bao gồm cả đề án khuyến lâm (hội nghị triển khai KHKL, thúc đẩy tại tỉnh 2 cuộc) giao ban, trực báo, tổng kết tại các BQL huyện, thị xã, TP)	cuộc	59	300	300		59	433	433	
	Tham quan học tập kinh nghiệm (theo đề án khuyến lâm)	chuyến	8	250	250		8	250	250	
3.2	Hàng hoá			800	800	0		800	800	0
	Thiết bị nâng cấp vườn ươm	trọn gói		800	800			800	800	
3.3	Xây lắp			0	0	0		0	0	0
3.4	Hoạt động hiện trường			0	0	0		0	0	0
3.5	Chi phí hoạt động gia tăng			2,900	2,900	0		2,730	2,730	0
	Tiền lương, tiền công, phụ cấp, CTP.. các cấp theo đề án khuyến lâm	tháng	12	2,450	2,450		12	2,430	2,430	
	Các khoản đóng góp: BHXH, KPCĐ, YT, BHTN..)	tháng	12	250	250		12	230	230	
	Chi hoạt động văn phòng và chi khác	tháng	12	200	200		12	70	70	
4	Quản lý và thiết kế trồng rừng			9,895	8,750	1,145		9,408	8,323	1,085
4.1	Đào tạo hội thảo			400	400	0		380	380	0
	Đào tạo tập huấn: TH thiết kế trồng rừng	lớp	1	200	200		1	190	190	
	Hội nghị hội thảo về công tác thiết kế trồng rừng	cuộc	1	200	200		1	190	190	
4.2	Hàng hóa			0	0	0		0	0	0
4.3	Xây lắp			5,950	5,950	0		6,478	5,543	935
	Nâng cấp hệ thống đường lâm sinh, trong đó:	km	20	5,300	5,300		20	4,893	4,893	
	+ Năm 2012 chuyển sang	km	10	1,893	1,893		10	1,893	1,893	
	+ Năm 2013	km	10	3,407	3,407		10	3,000	3,000	
	Xây dựng chòi canh lửa	cái	5	650	650		5	650	650	
	Tư vấn đầu tư xây dựng các công trình lâm sinh (tư vấn TK, thẩm định, giám sát, bảo hiểm CT...), trong đó:	trọn gói		935		935		935		935
	- Tư vấn giám sát nâng cấp các công trình lâm sinh chuyển sang thanh toán năm 2013: Năm 2011 = 70 triệu; Năm 2012 = 97 triệu	Tổng số								
				167		167		167		167

#	HỢP PHẦN	Đơn vị tính	Khối lượng	Kế hoạch đã phê duyệt theo QĐ số 845/QĐ-UBND ngày 05/4/2013			Khối lượng	Kế hoạch điều chỉnh		
				Tổng cộng	IDA 5070	Việt Nam		Tổng cộng	IDA 5070	Việt Nam
5.1	Tín dụng cho trồng rừng			0	0	0		0	0	0
5.2	Dịch vụ tư vấn			0	0	0		0	0	0
C	RỪNG ĐẶC DỤNG			0	0	0		0	0	0
D	QUẢN LÝ DỰ ÁN, GIÁM SÁT VÀ ĐÁNH GIÁ			17,610	12,184	5,426		14,061	8,682	5,379
1	Quản lý dự án			17,610	12,184	5,426		14,061	8,682	5,379
1.1	Dịch vụ tư vấn			0	0	0		0	0	0
1.2	Đào tạo hội thảo			852	852	0		852	852	0
	Đào tạo tập huấn : Tập huấn về công tác kế toán	lớp	1	100	100		1	100	100	
	Hội nghị hội thảo	cuộc	19	752	752		19	752	752	
	- Hội nghị sơ kết, tổng kết các cấp và HN Ban điều hành	cuộc	19	752	752		19	752	752	
1.3	Xây lắp			0	0	0		0	0	0
1.4	Hàng hoá			1,020	1,020	0		1,020	1,020	0
	Thiết bị, nội thất văn phòng	trọn gói		820	820			820	820	
	Sửa chữa lớn xe ô tô	trọn gói		200	200			200	200	
1.5	Chi phí hoạt động gia tăng			15,738	10,312	5,426		12,189	6,810	5,379
	Lương và phụ cấp cán bộ công chức chuyên trách và kiêm nhiệm BQL tỉnh	tháng	12	4,379	4,100	279	12	3,589	3,310	279
	Phụ cấp cán bộ kiêm nhiệm các BQL dự án huyện và TCT xã	tháng		985		985	12	939		939
	Chi hoàn trả kinh phí chi phụ cấp của cán bộ kiêm nhiệm các cấp từ 2005-2011	Tổng số		4,084		4,084		4,083		4,083
	Các khoản đóng góp (BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN...)	tháng	12	678	650	28	12	555	527	28
	Chi hoạt động văn phòng và chi khác các cấp	tháng	12	5,562	5,562		12	2,973	2,973	
	Thuế phí các loại	tổng số		50		50		50		50
	TỔNG			47,982	41,181	6,801		38,329	31,685	6,644